

Số: 3484 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nạo vét Cảng cá Ninh Chữ (Nạo vét luồng, vũng đậu tàu và Khu neo đậu tránh trú bão Ninh Chữ) của Trung tâm Quản lý khai thác các công trình thủy sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2167/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện một số nội dung công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong quá trình tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Trung tâm Quản lý khai thác các công trình thủy sản tại Văn bản số 1230/QLKT-KHTH ngày 10 tháng 9 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 710/TTr-SNNMT ngày 23 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nạo vét Cảng cá Ninh Chữ (Nạo vét luồng, vũng đậu tàu và Khu

neo đậu tránh trú bão Ninh Chữ) (sau đây gọi là Dự án) của Trung tâm Quản lý khai thác các công trình thủy sản (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Ninh Hải và phường Ninh Chữ, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026; đồng thời, thực hiện công khai Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM theo quy định trước khi triển khai thực hiện các hạng mục của Dự án.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án tại Điều 1 của Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan; đồng thời, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan để giám sát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo đúng nội dung đã được phê duyệt. Nếu phát hiện vi phạm, xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Ninh Chữ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ninh Hải; Giám đốc Trung tâm Quản lý khai thác các công trình thủy sản và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh (Lê Huyền);
- UBND phường Ninh Chữ, xã Ninh Hải;
- Chủ dự án;
- VPUB: LĐVP, KTTH;
- Lưu: VP.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Huyền

¹ Theo Quyết định số 1057/QĐ-SNNMT ngày 07/7/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN NẠO VÉT CẢNG CÁ NINH CHỮ (NẠO VÉT LUỒNG, VỮNG ĐẬU TÀU VÀ KHU NEO ĐẬU TRÁNH TRÚ BẢO NINH CHỮ) CỦA TRUNG TÂM QUẢN LÝ KHAI THÁC CÁC CÔNG TRÌNH THỦY SẢN

*(Kèm theo Quyết định số 3484/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Nạo vét Cảng cá Ninh Chữ (Nạo vét luồng, vững đậu tàu và Khu neo đậu tránh trú bão Ninh Chữ).
- Địa điểm thực hiện: phường Ninh Chữ và xã Ninh Hải, tỉnh Khánh Hòa.
- Chủ dự án đầu tư: Trung tâm Quản lý khai thác các công trình thủy sản.

1.2. Quy mô, công suất:

Quy mô đầu tư xây dựng:

Dự án Nạo vét Cảng cá Ninh Chữ (Nạo vét luồng, vững đậu tàu và Khu neo đậu tránh trú bão Ninh Chữ) tại xã Ninh Hải và phường Ninh Chữ, tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là Dự án) của Trung tâm Quản lý khai thác các công trình thủy sản đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (trước sáp nhập) phê duyệt Dự án tại Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 22/4/2022, điều chỉnh Dự án tại Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 05/3/2024 và số 645/QĐ-UBND ngày 16/5/2025 với tổng diện tích nạo vét là 65,55 ha; tổng khối lượng nạo vét: 1.039.396 m³. Phạm vi nạo vét được chia làm 02 khu vực như sau:

- Khu vực 1: Nạo vét vững đậu tàu và khu neo đậu tránh trú bão: Phạm vi nạo vét có chiều dài khoảng 1.600 m (tính từ cầu Tri Thủy hướng đến cầu Ninh Chữ từ mặt cắt MCK₀ đến MC28 cách cầu Ninh Chữ 100,9 m) với tổng diện tích nạo vét là 42,74 ha và khối lượng nạo vét là 563.620 m³.

- Khu vực 2: Nạo vét vững quay và luồng chạy tàu: Phạm vi thực hiện hạng mục nạo vét luồng cảng cá Ninh Chữ được xác định đầu tuyến từ MCA32 cách mố cầu Ninh Chữ là 110 m phía hạ lưu cầu, cuối tuyến nạo vét luồng MC62 cách cuối bờ kè cảng Ninh Chữ là 248 m hướng về cầu Ninh Chữ, diện tích nạo vét 22,81 ha và khối lượng nạo vét là 475.776 m³.

1.3. Công nghệ sản xuất:

Nạo vét bằng tàu hút bụng tự hành (1.390 CV) kết hợp tổ hợp xáng cạp (gầu 1,25 m³) độ sâu hạ gầu từ 4-8m để thi công nạo vét. Vật liệu sau khi nạo vét được đưa qua sà lan đi tiêu thụ trực tiếp hoặc được bơm/phun trực tiếp qua đường ống từ tàu hút bụng tự hành về các bãi chứa tạm trước khi tiêu thụ.

1.4. Phạm vi:

1.4.1. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Hoạt động thi công nạo vét, vận chuyển vật liệu nạo vét; hoạt động tập kết, vận chuyển bùn, rác thải được sàng tách từ vật liệu nạo vét;...với phạm vi nạo vét cụ thể như sau:

+ Khu vực 1: Nạo vét vùng đậu tàu và khu neo đậu tránh trú bão: Phạm vi nạo vét có chiều dài khoảng 1.600 m (tính từ cầu Tri Thủy hướng đến cầu Ninh Chữ từ mặt cắt MCK₀ đến MC28 cách cầu Ninh Chữ 100,9 m) với tổng diện tích nạo vét là 42,74 ha và khối lượng nạo vét là 563.620 m³.

+ Khu vực 2: Nạo vét vùng quay và luồng chạy tàu: Phạm vi thực hiện hạng mục nạo vét luồng cảng cá Ninh Chữ được xác định đầu tuyến từ MCA32 cách mố cầu Ninh Chữ là 110 m phía hạ lưu cầu, cuối tuyến nạo vét luồng MC62 cách cuối bờ kè cảng Ninh Chữ là 248 m hướng về cầu Ninh Chữ, diện tích nạo vét 22,81 ha và khối lượng nạo vét là 475.776 m³.

- Vận chuyển vật chất nạo vét lên sà lan đi tiêu thụ hoặc được bơm/phun qua đường ống từ tàu hút bụng tự hành lên bãi chứa tạm.

- Vận chuyển và đổ thải tại 02 bãi chứa tạm: (1) Bãi chứa tạm 1: diện tích 4.000 m² thuộc thôn Khánh Hội, xã Ninh Hải đã được UBND xã Ninh Hải thống nhất vị trí tại Văn bản số 1960/UBND-PKT ngày 25/6/2026; (2) Bãi chứa tạm 2: diện tích 13.000 m² nằm phía trước Cảng cá Ninh Chữ thuộc quản lý của Trung tâm Quản lý khai thác các công trình thủy sản đã được thống nhất vị trí tại Biên bản làm việc ngày 19/5/2026.

1.4.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường: Các hạng mục công trình phụ trợ của Dự án (nhà điều hành, các kho chứa chất thải được sử dụng chung trên phần diện tích của Cảng cá Ninh Chữ); hoạt động vận chuyển chất nạo vét đi tiêu thụ.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Trong giai đoạn xây dựng

- Hoạt động của các phương tiện thi công nạo vét, vận chuyển và phun hút chất nạo vét phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải tác động tới chất lượng môi trường không khí.

- Hoạt động nạo vét, phun hút chất nạo vét lên bãi đổ phát sinh bụi, gia tăng độ đục và tác động tới chất lượng môi trường nước.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân lao động phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt.

2.2. Trong giai đoạn vận hành: Không có.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải:

a. Nguồn phát sinh, tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân: Phát sinh khoảng 0,8 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là TSS, BOD₅, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Photphat, tổng Coliforms.

+ Nước rỉ từ bùn nạo vét được tập kết tại các bãi chứa tạm. Thành phần chủ yếu là TSS.

b. Nguồn phát sinh, tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của bụi, khí thải: Phát sinh chủ yếu từ máy móc, phương tiện phục vụ thi công nạo vét và vận chuyển vật liệu nạo vét. Mùi hôi phát sinh từ quá trình tập kết bùn nạo vét tại bãi chứa tạm. Thành phần chủ yếu là bụi, CO, SO₂, NO₂,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a. Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân thi công Dự án khoảng 25,6 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: hộp đựng thức ăn, bao bì và thức ăn thừa.

b. Nguồn phát sinh, tính chất (loại) của chất thải rắn công nghiệp thông thường: Phát sinh từ quá trình lắng tách bùn nạo vét tại các bãi chứa tạm với khối lượng khoảng 913 tấn.

c. Nguồn phát sinh, tính chất (loại) của chất thải nguy hại: Phát sinh từ phương tiện, máy móc thi công, nạo vét với khối lượng khoảng 664,2 kg. Thành phần chủ yếu là giẻ lau dính dầu nhớt, dầu nhớt thải.

3.3. Tiếng ồn, độ rung: Phát sinh chủ yếu do hoạt động của các phương tiện và máy móc, thiết bị thi công nạo vét và vận chuyển đến các bãi chứa tạm.

3.4. Các tác động khác:

- Tác động đến đường bờ, tuyến đê khi thực hiện thi công nạo vét.

- Tác động đến dòng chảy và đa dạng sinh học vùng ven bờ.

- Tác động do sự cố tràn dầu.

- Tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các hộ kinh doanh trên mặt bằng cảng

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân trên các tàu thi công nạo vét được thu gom, xử lý bằng các bể di động có dung tích 1,8 m³/bể, sau đó được đưa lên bờ và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định.

- Nước rỉ từ bùn nạo vét: Tại mỗi bãi chứa tạm bố trí hố thu 2 ngăn, lót bạt HDPE (diện tích bãi chứa tạm 1 khoảng 27 m², bãi chứa tạm 2 khoảng 84 m²); tại ngăn lắng 2 mỗi hố thu được lắp đặt máy bơm để bơm phần nước lắng đọng phía trên qua ống cao su bố vải (đường kính từ Ø110 ÷ Ø150) thải ra ngoài.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Máy móc, phương tiện thi công nạo vét sử dụng nhiên liệu theo quy định của nhà sản xuất; định kỳ bảo dưỡng máy móc, phương tiện theo quy định.

- Phun nước dập bụi trên tuyến đường vận chuyển từ nơi nạo vét đến các bãi chứa tạm với tần suất tối thiểu 2 lần/ngày.

- Thực hiện bơm cuốn chiều theo từng ô nhỏ để hạn chế diện tích phát tán mùi phát sinh tại các bãi chứa tạm và phun dung dịch khử mùi (EM).

- Yêu cầu bảo vệ môi trường: tuân thủ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: trên mỗi phương tiện nạo vét, bố trí 01 thùng rác có dung tích 5 lít/thùng, cuối ngày được vận chuyển về khu tập trung rác và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn từ quá trình tách vật liệu nạo vét được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Sử dụng chung kho chứa chất thải nguy hại 6 m² của Cảng cá Ninh Chữ. Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu chứa trong kho lưu chứa và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Máy móc, phương tiện thi công nạo vét sử dụng nhiên liệu theo quy định của nhà sản xuất; định kỳ bảo dưỡng máy móc, phương tiện theo quy định.

- Bố trí thời gian thi công và vận chuyển hợp lý để hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động dân sinh và các hộ kinh doanh trên Cảng.

4.4. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động tới đường bờ và tuyến đê kè:

- Trong thời gian nạo vét, Chủ dự án cam kết nạo vét đúng theo phạm vi, thiết kế đã được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt như sau: cao trình đáy nạo vét vững và khu neo đậu tránh trú bão là -4,8 m; cao trình đáy nạo vét vững quay và luồng tàu chạy là -7,2 m; hệ số mái nạo vét $m = 5$.

- Thả phao, ranh giới vùng nạo vét.

4.4.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động tới dòng chảy và đa dạng sinh học:

- Thi công đúng theo phạm vi, thiết kế đã được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

- Vận chuyển chất nạo vét đúng tuyến; kiểm soát tốc độ và không để rò rỉ hóa chất.

4.4.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy trên các phương tiện thi công nạo vét.

- Khi xảy ra sự cố tràn dầu, kịp thời liên hệ với cơ quan liên quan và phối hợp với đơn vị có chức năng để kịp thời ứng cứu sự cố, đảm bảo ngăn chặn lan truyền ô nhiễm ra môi trường xung quanh.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý môi trường: thực hiện công tác thu gom, phân loại, lưu giữ chất thải rắn; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải phát sinh tại Dự án; thường xuyên theo dõi công tác vận hành các thiết bị, tiến hành bảo trì máy móc theo định kỳ; theo dõi, giám sát, kịp thời phát hiện, thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố môi trường.

5.2. Chương trình giám sát môi trường:

5.2.1. Chương trình giám sát chất lượng môi trường không khí:

- Vị trí giám sát: 03 vị trí tại:

- + Vị trí 01: Khu vực bãi chứa tạm 1.

+ Vị trí 02: Tại nơi kết nối giữa đường nội thôn (từ bãi chứa tạm 1) đến Tỉnh lộ 702.

+ Vị trí 03: Khu vực bãi chứa tạm 2.

- Thông số giám sát: tổng bụi lơ lửng (TSP), SO₂, NO₂, CO, tiếng ồn.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong suốt quá trình thi công.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.2.2. Chương trình giám sát nước biển:

- Vị trí giám sát: 04 vị trí:

+ Vị trí 1: Khu vực neo đậu tránh trú bão (cách cầu Tri Thủy 50 m) gần khu nuôi trồng thủy sản Đầm Nại.

+ Vị trí 2: Khu vực luồng chạy tàu (khu bên cảng Ninh Chữ)

+ Vị trí 3: Khu vực mặt nước kết nối với lạch tiếp nhận nước từ quá trình lắng cặn tại bãi chứa tạm 2.

+ Vị trí 4: Khu vực mặt nước tiếp nhận nước tách từ chất nạo vét tại bãi chứa tạm 1.

- Thông số giám sát: pH, oxy hòa tan (DO), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng hydrocarbon gốc dầu (TPH), tổng coliform, amoni.

- Tần suất giám sát: 01 tháng/lần trong suốt quá trình thi công.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển (bảng 1 và bảng 2).

5.2.3. Giám sát chất lượng trầm tích

Vị trí giám sát: 03 vị trí.

+ Vị trí 1: Khu vực tiếp giáp Đầm Nại

+ Vị trí 2: Khu vực cửa biển (khu bên cảng Ninh Chữ)

+ Vị trí 3: Khu vực tiếp giáp với con lạch tiếp nhận nước tách từ chất nạo vét tại bãi chứa tạm 2.

- Thông số giám sát: Thành phần cỡ hạt, As, Cd, Cr, Cu, Fe, Hg, Pb, Zn.

- Tần suất giám sát: 02 lần (trước khi bắt đầu thi công nạo vét và gần kết thúc thi công nạo vét).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 43:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích.

5.2.4. Giám sát khác: Thực hiện giám sát nguy cơ sạt lở, sụt lún đường bờ, bãi chứa, các công trình hạ tầng và nhà dân trong thời gian thi công theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

- Nạo vét đúng tiến độ, phạm vi diện tích, tọa độ, độ sâu, khối lượng và các thông số kỹ thuật nạo vét được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và tuân thủ nghiêm các yêu cầu về an toàn trong thiết kế đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định.

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa và các quy định hiện hành; tuyệt đối không đổ vật chất nạo vét ra biển hoặc môi trường xung quanh sai quy định.

- Thường xuyên gia cố, chống thấm, chống sạt lở đê bao 02 bãi chứa tạm. Trường hợp bãi chứa đạt ngưỡng lưu chứa tối đa (tổng dung tích 51.000 m³), phải dừng ngay thiết bị nạo vét cho đến khi giải phóng xong mặt bằng bãi. Chịu trách nhiệm hoàn trả mặt bằng nguyên trạng tại 02 bãi chứa tạm sau khi kết thúc thi công

- Thiết lập kênh liên lạc thường xuyên với UBND xã Ninh Hải, UBND phường Ninh Chữ và UBND các xã, phường khu lân cận để thông báo lịch trình nạo vét, thiết lập hệ thống phao tiêu cảnh báo, đảm bảo hoạt động nạo vét, tạm trữ, vận chuyển vật liệu nạo vét của Dự án không được làm ảnh hưởng hoặc cản trở các hoạt động dân sinh của Nhân dân xung quanh khu vực Dự án và hoạt động tàu thuyền ra, vào khu vực cảng cá Ninh Chữ và quá trình thi công nạo vét của Dự án không gây ảnh hưởng đến các công trình khu vực xung quanh.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, môi trường và các hoạt động kinh tế, dân sinh khác khu vực Dự án trong quá trình thi công.

- Thực hiện đúng và đầy đủ chương trình giám sát môi trường định kỳ theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; báo cáo kết quả giám sát chất lượng môi trường định kỳ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, giám sát; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết. Nếu kết quả quan trắc nồng độ các chất ô nhiễm trong nước biển xung quanh khu vực nạo vét vượt quá giá trị giới hạn cho phép vùng biển ven bờ nhằm mục đích bảo vệ môi trường sống dưới nước theo QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển, Chủ dự án phải dừng ngay việc nạo vét, tiến hành xác

định nguyên nhân; đồng thời, khẩn trương thực hiện các biện pháp khắc phục (trường hợp xác định do hoạt động nạo vét của Dự án gây ra) và thông báo cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để phối hợp kiểm tra, xử lý.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố cháy, nổ và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường.

- Khi xảy ra sự cố môi trường do hoạt động của dự án gây ra làm ảnh hưởng đến sinh kế của dân cư khu vực Dự án, Chủ dự án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương để khắc phục sự cố theo đúng quy định; trong trường hợp phát hiện ô nhiễm môi trường và sự cố xói lở bất thường, phải dừng ngay việc nạo vét, tiến hành xác định nguyên nhân; đồng thời, thực hiện các biện pháp khắc phục và thông báo ngay cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, địa phương và các cơ quan có liên quan để phối hợp xử lý theo quy định, bảo đảm giảm thiểu tác động tới cảnh quan, môi trường, hoạt động sản xuất và luồng đường thủy nội địa của khu vực.

- Tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường nước, không khí, tiếng ồn và độ rung trong quá trình thực hiện Dự án.

- Tổ chức thực hiện nghiêm phương án phòng, chống, khắc phục các rủi ro, sự cố môi trường, sự cố tràn dầu; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy, chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động, an toàn giao thông đường bộ trong quá trình triển khai thực hiện Dự án.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư và thực hiện nghiêm túc các quy định về trách nhiệm của Chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được phê duyệt.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Quyết định này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.
